

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 105/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Chính phủ;

Căn cứ Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh than và cung cấp than cho sản xuất điện;

Căn cứ Văn bản số 445/TB-VPCP ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng tại cuộc họp về các giải pháp cung cấp than cho sản xuất điện;

Căn cứ Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025;

Xét báo cáo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Văn bản số 6368/TKV-KDT ngày 15 tháng 11 năm 2024, Tổng công ty Đông Bắc tại Văn bản số 7960/ĐB-KD ngày 15 tháng 10 năm 2024 về Kế hoạch cung cấp than cho sản xuất điện năm 2025; báo cáo của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia tại Văn bản số 834/NSMO-PT ngày 15 tháng 11 năm 2024 về kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025 có xét đến năm 2026; báo cáo chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than về nhu cầu than cho sản xuất điện năm 2025 tại các Văn bản liên quan;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Dầu khí và Than.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 với nội dung như sau:

1. Chủ đầu tư các nhà máy nhiệt điện than chịu trách nhiệm thu xếp 82.474 nghìn tấn than để cấp cho sản xuất điện năm 2025 và chuẩn bị nhiên liệu than để dự phòng điều hành cung cấp cho sản xuất điện các tháng cao điểm mùa khô (các tháng 4, 5, 6, 7) năm 2025 với khối lượng 30.167 nghìn tấn. Khối lượng than cấp cho từng nhà máy cụ thể tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Chi tiết loại than cấp cho từng nhà máy thực hiện theo Hợp đồng mua bán than năm 2025, Hợp đồng cung cấp than dài hạn (đối với dự án nhà máy nhiệt điện than BOT) ký giữa chủ đầu tư nhà máy với đơn vị cung cấp than.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than

a) Thực hiện nghiêm và hiệu quả các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao liên quan đến việc cung cấp than cho sản xuất điện tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương tại các văn bản liên quan đến việc cung cấp than cho sản xuất điện để đảm bảo cung cấp đủ, ổn định than cho sản xuất điện năm 2025 và các năm tiếp theo.

b) Chủ động thường xuyên cập nhật, rà soát nhu cầu sử dụng than trên cơ sở sản lượng điện phát đầu cực theo Điều 1 Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương và tình hình cung cầu của hệ thống điện để có kế hoạch chuẩn bị nhiên liệu than phù hợp. Chịu trách nhiệm toàn diện trong việc thu xếp nguồn than hợp pháp có thông số kỹ thuật phù hợp với công nghệ nhà máy điện (trừ các nhà máy BOT sử dụng than trong nước được Chính phủ bảo lãnh Hợp đồng cung cấp than) đủ để cung cấp cho nhà máy vận hành ổn định, tin cậy, an toàn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025, các yêu cầu về môi trường theo quy định. Trong mọi trường hợp không được để đứt gãy nguồn cung ứng than (kể cả đứt gãy cục bộ) và thiếu than cho sản xuất điện.

c) Khẩn trương hoàn thành việc ký Hợp đồng mua bán than cho sản xuất điện năm 2025 với các đơn vị cung cấp than (trong đó xác định cụ thể khối lượng, tiến độ cung cấp, thông số kỹ thuật của than,...) và báo cáo Bộ Công Thương kết quả thực hiện trước ngày 15 tháng 12 năm 2024 (bao gồm chi tiết các Hợp đồng đã ký, kể cả các Hợp đồng/cam kết nhập khẩu than cho sản xuất điện năm 2025). Tăng cường phối hợp, cung cấp kịp thời thông tin về nhu cầu sử dụng than đến các đơn vị cung cấp than và thực hiện tốt Hợp đồng theo nguyên tắc tất cả vì mục tiêu chung, vì lợi ích quốc gia dân tộc; thực hiện nghiêm các cam kết tại Hợp đồng đã ký và tuân thủ quy định của pháp luật liên quan. Chịu trách nhiệm kiểm soát các hợp đồng cung cấp, vận chuyển than đảm bảo nguồn gốc than hợp pháp, giá cạnh tranh, minh bạch theo quy định của pháp luật.

d) Chuẩn bị đầy đủ, sẵn sàng hạ tầng vận chuyển, tiếp nhận than và dự trữ than đáp ứng yêu cầu theo quy định, phù hợp với nhu cầu tiếp nhận, sử dụng than và có tính đến dự phòng đảm bảo ứng phó với các tình huống cực đoan. Kiểm soát chặt chẽ công tác giao nhận than và quản lý khối lượng, chất lượng than đảm bảo tuân thủ quy định; đảm bảo các điều kiện an toàn, phòng chống cháy nổ và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong việc lưu trữ than.

đ) Thường xuyên cập nhật, theo dõi sát Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia theo năm/tháng/tuần/ngày do Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia (NSMO) công bố để xây dựng, cập nhật kế hoạch cung cấp than đảm bảo đồng bộ, thống nhất và phù hợp

với diễn biến của thời tiết. Trường hợp có thay đổi đột biến và ảnh hưởng đến việc cấp than cho nhà máy, kịp thời báo cáo về Bộ Công Thương để xem xét, chỉ đạo.

e) Định kỳ ngày cuối cùng hằng tháng, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) kết quả tiếp nhận, sử dụng than của tháng và dự kiến kế hoạch các tháng còn lại trong quý thực hiện để phục vụ công tác theo dõi, giám sát theo Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025. Trước ngày 15 tháng 3 năm 2025, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) chi tiết nhu cầu tiếp nhận, sử dụng và các giải pháp để đảm bảo đủ than cho sản xuất điện các tháng cao điểm mùa khô (các tháng 4, 5, 6, 7) năm 2025.

g) Định kỳ ngày 15 của tháng cuối cùng hằng quý, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) kết quả tiếp nhận, sử dụng than của quý thực hiện và dự kiến kế hoạch các quý còn lại (chi tiết theo từng tháng) của năm 2025 để xem xét cập nhật, kịp thời điều chỉnh Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

2. Đơn vị cung cấp than (Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Đông Bắc và các đơn vị khác)

a) Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2019 và chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công Thương tại các văn bản liên quan đến việc cung cấp than cho sản xuất điện để góp phần đảm bảo cung cấp đủ, ổn định than cho sản xuất điện năm 2025 và các năm tiếp theo.

b) Phối hợp với các chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than khẩn trương hoàn thành việc ký Hợp đồng mua bán than năm 2025 và báo cáo Bộ Công Thương kết quả thực hiện trước ngày 15 tháng 12 năm 2024 (bao gồm chi tiết các Hợp đồng đã ký, kể cả các Hợp đồng/cam kết nhập khẩu than cho sản xuất điện năm 2025). Cung cấp than đầy đủ và liên tục bảo đảm đủ khối lượng, đúng chất lượng, loại than và tiến độ cung cấp cho các nhà máy điện theo Hợp đồng/cam kết đã ký; thực hiện nghiêm cam kết tại Hợp đồng đã ký và chịu trách nhiệm toàn diện nếu không cung cấp đủ than theo cam kết đã ký dẫn tới thiếu than cho sản xuất điện.

c) Thường xuyên cập nhật, theo dõi sát Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia do NSMO công bố và nhu cầu sử dụng than của từng nhà máy nhiệt điện theo năm/tháng/tuần/ngày để xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cung cấp than đảm bảo đồng bộ, thống nhất, phù hợp với diễn biến của thời tiết, kế hoạch sản xuất điện của từng nhà máy và cam kết tại Hợp đồng đã ký. Dự trữ than hợp lý đảm bảo sẵn sàng, chủ động trong cung ứng than cho sản xuất điện và có tính đến dự phòng đảm bảo ứng phó với các tình huống cực đoan.

d) Đẩy mạnh khai thác than trong nước tối đa, nhập khẩu than hợp lý theo chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, nâng cao năng lực chế biến than để cung cấp cho sản xuất điện đảm bảo hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật. Chuẩn bị tốt cơ sở hạ tầng phục vụ vận chuyển, nhập khẩu, trung chuyển than; tăng cường quản lý, kiểm soát công tác giao nhận than, kho bãi chứa than, bến cảng xuất/nhập than đảm bảo an toàn, hiệu quả, đáp ứng các quy định về môi trường (đặc biệt là trong mùa mưa bão) và tuân thủ pháp luật.

đ) Kê khai giá than bán cho sản xuất điện theo quy định của Luật Giá và các quy định của pháp luật khác liên quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác của mức giá kê khai.

e) Định kỳ ngày cuối cùng hằng tháng, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) kết quả cung cấp than của tháng thực hiện và dự kiến kế hoạch các tháng còn lại trong quý thực hiện để phục vụ công tác theo dõi, giám sát theo Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025.

g) Định kỳ ngày 15 của tháng cuối cùng hằng quý, báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than) kết quả cung cấp than của quý thực hiện và dự kiến kế hoạch các quý còn lại (chi tiết theo từng tháng) của năm 2025 để xem xét cập nhật, kịp thời điều chỉnh Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia

Định kỳ hằng tháng, quý rà soát, cập nhật và báo cáo Bộ Công Thương (thông qua Vụ Dầu khí và Than, Cục Điều tiết điện lực) dự kiến nhu cầu sử dụng than các tháng còn lại trong năm của từng nhà máy nhiệt điện than trong hệ thống điện quốc gia đảm bảo đồng bộ, thống nhất và phù hợp với kết quả rà soát, cập nhật Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia.

4. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo

Theo dõi, giám sát chặt chẽ nghĩa vụ tuân thủ các điều khoản/cam kết của các đơn vị có liên quan trong các Hợp đồng/Thỏa thuận thương mại của các dự án nhà máy điện than được đầu tư theo hình thức BOT; xử lý kịp thời theo thẩm quyền và báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, đảm bảo không để ảnh hưởng đến việc cung cấp than và huy động điện của các nhà máy.

5. Cục Điều tiết điện lực

a) Chỉ đạo, giám sát, đôn đốc NSMO công bố thông tin về Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia theo năm/tháng/tuần bám sát tình hình thực tế để chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than và các đơn vị cung cấp than chuẩn bị đầy đủ, kịp thời nguồn than cho sản xuất điện.

b) Phối hợp với Vụ Dầu khí và Than, NSMO rà soát, cập nhật Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 định kỳ hằng quý đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và đồng bộ với kết quả rà soát, cập nhật Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia.

6. Vụ Dầu khí và Than

a) Thường xuyên theo dõi, giám sát, cập nhật tình hình cấp than cho sản xuất điện năm 2025; trường hợp có phát sinh, ảnh hưởng đến việc cấp than cho các nhà máy nhiệt điện năm 2025, kịp thời báo cáo Bộ Công Thương để xem xét, chỉ đạo.

b) Chủ trì, phối hợp với Cục Điều tiết điện lực, NSMO định kỳ hằng quý rà soát, cập nhật Biểu đồ cấp than cho sản xuất điện năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế và đồng bộ với kết quả rà soát, cập nhật Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Dầu khí và Than, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Long;
- Các Cục: ĐL, ĐTĐL;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia;
- Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;
- Tổng công ty Đông Bắc;
- Chủ đầu tư nhà máy nhiệt điện than;
- Lưu: VT, DKT.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Hồng Diên



Phụ lục 1

DỰ KIẾN KHỐI LƯỢNG THAN CẤP CHO SẢN XUẤT ĐIỆN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 3048/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: 1.000 tấn

TT	Nhà máy	Khối lượng than cấp	TT	Nhà máy	Khối lượng than cấp
1	Na Dương	418	18	Nghi Sơn 1	1.667
2	Cao Ngạn	390	19	Vũng Áng 1	3.467
3	An Khánh 1	512	20	Nông Sơn	129
4	Sơn Động	848	21	Vĩnh Tân 1	3.764
5	Uông Bí	1.848	22	Vĩnh Tân 2	4.136
6	Mạo Khê	1.707	23	Duyên Hải 1	3.935
7	Quảng Ninh	3.562	24	Vĩnh Tân 4 & 4 MR	5.055
8	Mông Dương 1	3.319	25	Duyên Hải 2	3.193
9	Mông Dương 2	3.975	26	Duyên Hải 3	3.789
10	Cẩm Phả	2.194	27	Duyên Hải 3 MR	1.671
11	Thăng Long	2.173	28	Nghi Sơn 2	4.167
12	Phả Lại	2.556	29	Sông Hậu 1	3.689
13	Hải Dương	3.350	30	Vân Phong 1	4.003
14	Hải Phòng	3.135	31	Vũng Áng 2	1.562
15	Ninh Bình	399	32	FORMOSA HT	1.773
16	Thái Bình 1	1.650	33	FORMOSA	1.112
17	Thái Bình 2	3.326			
Tổng cộng					82.474

Ghi chú:

- Khối lượng than cấp nêu trên được tính toán trên cơ sở dự kiến suất tiêu hao than trung bình và sản lượng điện phát đầu cực của từng nhà máy theo Phương án 2 tại Văn bản số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15/11/2024 của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia về Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025, có xét đến năm 2026 (được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025).

- Khối lượng than cấp dự kiến nêu trên của từng nhà máy có thể thay đổi tùy thuộc vào suất tiêu hao than, loại than sử dụng và sản lượng điện huy động thực tế của nhà máy điện theo nhu cầu của hệ thống điện quốc gia.

Phụ lục 2
DỰ KIẾN KHỐI LƯỢNG THAN CẤP CHO SẢN XUẤT ĐIỆN CÁC THÁNG
CAO ĐIỂM MÙA KHÔ (CÁC THÁNG 4, 5, 6, 7) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 3048/QĐ-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Đơn vị: 1.000 tấn

TT	Nhà máy	Khối lượng than cấp				Tổng cộng
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	
1	Na Dương	38	39	38	35	150
2	Cao Ngạn	36	37	36	33	142
3	An Khánh 1	46	48	46	42	182
4	Sơn Động	78	80	77	71	306
5	Uông Bí	170	175	170	154	669
6	Mạo Khê	157	162	157	143	619
7	Quảng Ninh	335	346	335	305	1321
8	Mông Dương 1	322	333	322	293	1270
9	Mông Dương 2	370	383	369	338	1460
10	Cẩm Phả	197	203	196	179	775
11	Thăng Long	196	203	196	167	762
12	Phả Lại	254	263	254	242	1013
13	Hải Dương	316	324	314	287	1241
14	Hải Phòng	296	306	295	270	1167
15	Ninh Bình	45	47	44	30	166
16	Thái Bình 1	157	163	157	143	620
17	Thái Bình 2	315	325	314	287	1241
18	Nghi Sơn 1	160	166	160	146	632
19	Vũng Áng 1	309	320	309	263	1201
20	Nông Sơn	10	11	11	11	43
21	Vĩnh Tân 1	336	363	372	261	1332
22	Vĩnh Tân 2	381	394	380	347	1502
23	Duyên Hải 1	376	389	376	245	1386
24	Vĩnh Tân 4 & 4 MR	483	499	482	373	1837

TT	Nhà máy	Khối lượng than cấp				Tổng cộng
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	
25	Duyên Hải 2	342	354	341	305	1342
26	Duyên Hải 3	363	375	362	255	1355
27	Duyên Hải 3 MR	190	196	190	172	748
28	Nghi Sơn 2	400	414	399	341	1554
29	Sông Hậu 1	350	362	350	319	1381
30	Vân Phong 1	382	392	378	328	1480
31	Vũng Áng 2	-	-	35	182	217
32	FORMOSA HT	163	168	162	134	627
33	FORMOSA	117	121	115	73	426
Tổng cộng		7.690	7.961	7.742	6.774	30.167

Ghi chú:

- Khối lượng than cấp nêu trên được tính toán trên cơ sở dự kiến suất tiêu hao than trung bình và sản lượng điện phát đầu cực của từng nhà máy theo Phương án 4 tại Văn bản số 834/NSMO-PT+TTĐ ngày 15/11/2024 của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia về Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025, có xét đến năm 2026 (được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định số 3047/QĐ-BCT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện quốc gia năm 2025).

- Khối lượng than cấp dự kiến nêu trên của từng nhà máy có thể thay đổi tùy thuộc vào suất tiêu hao than, loại than sử dụng và sản lượng điện huy động thực tế của nhà máy điện theo nhu cầu hệ thống điện quốc gia.